

# Di sản văn hoá

## CỘI NGUỒN SÁNG TẠO VÀ PHÁT TRIỂN

ĐG&.T& NGUYỄN TRI NGUYÊN\*

### 1- Di sản văn hoá - từ nhận thức khoa học đến luật pháp

Trong diễn trình của văn hoá dân tộc, di sản văn hoá đóng một vai trò rất quan trọng vì nó là nguồn lực nội sinh cho quá trình tiếp biến văn hoá. Di sản văn hoá tạo nên ký ức văn hoá của mỗi dân tộc, mà chức năng của nó là tạo nên một bức chân dung tự hoạ của dân tộc mình, yếu tố cơ bản tạo thành bản sắc dân tộc. Jan Assmann, nhà Ai Cập học (Agyptology) người Đức định nghĩa: "Dưới khái niệm ký ức văn hoá chúng ta bao hàm sự tồn tại đặc thù của mọi xã hội và mọi thời đại qua các văn bản, các hình ảnh và phong tục được tái sử dụng, trong sự bảo tồn này ký ức văn hoá củng cố và truyền tải bức chân dung tự hoạ của cộng đồng, một sự nhận thức cộng đồng được chia sẻ một cách đặc biệt (nhưng không có tính ngoại biệt, về quá khứ, mà một nhóm ý thức của cộng đồng về sự thống nhất và cái riêng biệt đã vượt qua được)<sup>(1)</sup>."

Di sản văn hoá - hay ký ức văn hoá, là một tổng thể, không thể tách rời, tuy nó có thể có nhiều hình thức tồn tại trong không gian và thời gian. Hai hình thái lớn, có tính bao quát trong di

sản, ngày nay được giới nghiên cứu của thế giới đi đến sự thống nhất định danh và định nghĩa cho nó: Di sản văn hoá vật thể và di sản văn hoá phi vật thể. Như đã nói ở trên, hai hình thái này không thể tách rời một cách cơ giới. Bởi vì sản phẩm của sự sáng tạo văn hoá là luôn luôn vươn tới biểu tượng văn hoá, có sức chứa đựng những thông điệp của các thế hệ trong quá khứ.

Nếu gọi văn hoá vật thể (di tích lịch sử, văn hoá, nghệ thuật và các di vật được tìm kiếm và lưu giữ trong các bảo tàng nhân loại) là gương mặt lịch sử, là nhân chứng của các thời đại, thì văn hoá phi vật thể là linh hồn, là tinh anh, là hun đúc giá trị cao nhất của dân tộc. Xin đơn cử: Đình, đền, chùa, miếu... là những di sản vật thể, nhưng trong nó luôn luôn chứa đựng tín ngưỡng riêng của nó, là ngôi nhà của các vị thần, của những huyền thoại, nơi con người gửi gắm đức tin và tôn thờ một đấng thiêng liêng nào đó. Hoặc một di tích lịch sử, nó mang trong mình những thông điệp của quá khứ...; những nơi này trở thành không gian văn hoá cho nhân dân trong những lễ hội truyền thống, lễ hội tôn

\* PHÓ VIỆN TRƯỞNG VIỆN VĂN HOÁ-THÔNG TIN

giáo, nơi họ thể hiện những lễ thức nhằm bày tỏ tâm nguyện của mình, nơi tâm linh con người đạt tới một khoảnh khắc cảm thấy mình được cứu rỗi.

Văn hoá phi vật thể là sự hiện hữu của ký ức văn hoá; khi tham gia vào đời sống văn hoá hiện đại, nó làm cho văn hoá của mỗi dân tộc không bị tách rời khỏi truyền thống, nó giữ lại vẻ đẹp phong phú tự thân, đồng thời văn hoá phi vật thể tạo nên những giá trị bên trong cốt cách, bản lĩnh và năng lực của mỗi dân tộc. Các giá trị đó quy tụ ở con người mà con người luôn luôn vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển đất nước - bởi chính con người mới biết khai thác và giữ gìn các nguồn tài nguyên vô giá của nhân loại, biết chăm lo cho sự đa dạng sinh học và biết phát huy các giá trị lịch sử, "Văn hoá là ký ức. Bởi vậy, văn hoá bao giờ cũng gắn liền với lịch sử, bao giờ cũng hàm ý tính liên tục của đời sống đạo đức, đời sống trí tuệ và tinh thần của con người" (*Iu. M. Lotman. Xanh-Pêtécbuva. 1994. tr. 8*)<sup>(2)</sup>. Nói như thế, có nghĩa, văn hoá phi vật thể tồn tại chính trong hoạt động sống của con người, trong mỗi chúng ta. Nó thiết yếu như không khí ta đang thở, trong suốt, và chẳng phải lúc nào ta cũng nghĩ tới cần có không khí, nhưng chỉ một khoảnh khắc ngừng ngửi thiếu không khí là ta không sống được.

Văn hoá phi vật thể là ngôn ngữ ta đang dùng hàng ngày, là lời ru của mẹ, là "lời chào cao hơn mâm cỗ", là đám cưới ta vừa bắt gặp, là Khắp mời rượu, mời nước của đồng bào Thái, là điệu khèn, điệu sáo trong đêm xoè, là lễ đặt tên con của người Dao, là hát xẩm, hát ca trù của người Việt, là hát Soóng Cọ của người Sán Chỉ, là lễ hội ông Đùng bà Đà, hội Gióng, là tục ngữ, ca dao... Văn hoá phi vật thể còn là lối ứng xử, nếp sống, lối sống và tính cách con người của chúng ta. Nó tồn tại trong ý thức, tiềm thức, có phần tồn tại trong vô thức con người.

Trong điều kiện xã hội, lịch sử như đã nêu trên, di sản văn hoá phi vật thể dễ có nguy cơ mai một, thất truyền; danh lam thắng cảnh có thể bị các hoạt động du lịch khai thác và bị quá trình công nghiệp hoá làm cho biến dạng hoặc biến mất: "Di sản văn hoá là nguồn sáng tạo. Sự sáng tạo dẫn tới cội nguồn của truyền thống văn hoá, nhưng chỉ phồn thịnh khi tiếp xúc với các nền văn hoá khác. Vì lý do đó, di sản, trong

tất cả các hình thức của nó, phải được giữ gìn, đề cao và chuyển giao cho các thế hệ tương lai như là bằng chứng cho kinh nghiệm và khát vọng của con người, để khuyến khích sáng tạo trong tất cả sự đa dạng của nó và truyền đi một cuộc đối thoại chân chính giữa các nền văn hoá"<sup>(3)</sup>. Ý thức được vai trò và chức năng quan trọng đó của di sản văn hoá, Nhà nước Việt Nam đã ban hành Luật di sản văn hoá. Đây là một bước tiến trên quá trình hoàn thiện chính sách văn hoá vì sự phát triển của đất nước.

Trong Luật di sản văn hoá này, cả hai hình thái văn hoá được chứa đựng trong ký ức văn hoá của dân tộc: Di sản văn hoá vật thể và di sản văn hoá phi vật thể đều được đề cập đến với tư cách là đối tượng pháp lý chủ yếu của luật. Luật pháp của Nhà nước không chỉ nâng cao nhận thức mà còn trao cho mọi công dân một công cụ pháp lý để điều chỉnh các hoạt động xã hội. Theo đó, Luật di sản văn hoá đã và sẽ là công cụ pháp lý để Nhà nước cùng các tổ chức, cá nhân có thể bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá dân tộc vào đời sống hiện tại. Không ai nghĩ rằng, có luật pháp rồi là có thể yên tâm và "tự nhiên như nhiên", di sản văn hoá đất nước sẽ được bảo tồn và phát huy. Cùng với việc ban hành luật, Nhà nước ta đã có chiến lược văn hoá, đã có Chương trình Quốc gia bảo tồn di sản văn hoá dân tộc, đã có chương trình Quốc gia về phát triển du lịch, còn có chương trình sưu tầm Sử thi Tây Nguyên,... với sự đầu tư kinh phí ngày càng tăng.

## 2- Di sản văn hoá và phát triển kinh tế xã hội.

Việc tổ chức các sự kiện văn hoá lớn trong những năm qua, từ lễ hội đền Hùng đến Festival Huế 2000 và 2002, từ những hoạt động kỷ niệm 990 năm Thăng Long - Hà Nội đến lễ hội Katê ở Ninh Thuận, từ những ngày văn hoá thể thao Hạ Long đến những đêm phố cổ Hội An..., đã bước đầu tạo mối liên kết giữa văn hoá và kinh tế, mà cụ thể hơn là mối liên kết giữa di sản văn hoá và các hoạt động du lịch. Trong những sự kiện văn hoá như thế, các vùng văn hoá xứ Huế và xứ Quảng, xứ Thanh và xứ Nghệ, Tây Nguyên và Tây Bắc, Việt Bắc và Đông Bắc, Bắc Bộ và Nam Bộ... khoe tài, đua sắc, giao lưu, trao đổi với nhau, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân và nghệ nhân, giữa các vùng văn hoá khác nhau, làm

cho đời sống văn hoá thêm sinh động, thêm đa dạng và góp phần quan trọng làm thoả mãn nhu cầu văn hoá ngày càng tăng của nhân dân ta ở các địa phương, thông qua đó góp phần vào sự nghiệp quốc thái dân an, làm lành mạnh xã hội, củng cố các chuẩn mực đạo đức, phát huy tinh thần dân tộc và chủ nghĩa yêu nước của nhân dân ta trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Trong ý nghĩa này, di sản và bản sắc văn hoá có vai trò tích cực vào sự phát triển nguồn nhân lực đất nước.

Nhưng ở một phương diện khác, các sự kiện văn hoá như thế tạo nên sức hấp dẫn đặc biệt đối với du khách trong và ngoài nước, một tiềm năng lớn đối với phát triển ngành du lịch. Về bản chất, du lịch là một hoạt động văn hoá, bởi vì du lịch là sự chuyển dịch của con người từ nền văn hoá này tới một nền văn hoá khác nhằm thoả mãn nhu cầu khám phá về văn hoá, trước hết là khám phá giá trị và bản sắc của các di sản văn hoá. Du lịch, một sự gắn kết những nhân tố văn hoá và kinh tế, cụ thể ở đây là mối quan hệ tương tác giữa di sản văn hoá và thị trường, gần đây đã có xu hướng khá tích cực. Có thể nhận thấy điều này qua sự thăng hoa của làng gốm Bát Tràng (Hà Nội) và làng điêu khắc đá Ngũ Hành Sơn (Đà Nẵng). Những người thợ thủ công ở đây trước sự thách thức của kinh tế thị trường đã nắm bắt công nghệ mới, phát triển nguồn nhân lực trẻ có trình độ chuyên nghiệp cao và đa dạng hoá mẫu mã. Trong quá trình này, gốm Bát Tràng tiếp nhận các ý tưởng và mô típ mỹ thuật của các dòng tranh dân gian, trong đó có tranh Đông Hồ, góp phần gián tiếp làm sống lại tranh Đông Hồ ở một chất liệu khác. Những người thợ điêu khắc đá Ngũ Hành Sơn vừa duy trì các sản phẩm đá truyền thống (các loại tượng thờ, tượng Thánh, Phật), vừa "nhại" các loại tượng Hy Lạp, La Mã cùng các tác phẩm điêu khắc theo các trường phái hiện đại. Điều đáng quan tâm là, ngay loại sản phẩm "nhại" này cũng được ưa thích ở các nước châu Âu.

Di sản văn hoá ở những nơi này đang được bảo tồn trong phát triển. Hơn thế, chính làng nghề thủ công này lại thu hút khách du lịch nước ngoài. Nhìn rộng ra, việc khôi phục những làng nghề thủ công tuy đã khó, nhưng tìm kiếm và tạo dựng cho nó một thị trường tiêu thụ vững bền còn vô cùng khó khăn. Những năm gần

đây, nhiều làng nghề thủ công khác cũng đã vượt qua thử thách này để phát triển: Làng thêu Quất Động (Hà Tây), nghề thêu Đà Lạt, nghề đúc đồng Đại Bái (Bắc Ninh)... Nếu không làm được điều này, làng nghề thủ công có thể nhanh chóng bị tàn lụi: Thí dụ làng gốm Thổ Hà chuyển sang nấu rượu, còn làng tranh Đông Hồ thì sản xuất bao bì và hàng mã.

Có thể nói mọi đầu tư để sưu tầm, ghi chép, bảo tồn bằng mọi phương tiện công nghệ là rất quan trọng và cần thiết, bởi vì thời gian không chờ đợi chúng ta, nhưng nó mới chỉ là phương thức bảo tồn "đông lạnh", có nghĩa nó mới chỉ giữ được sự "tươi" nhưng chưa giữ được sự "sống" của chúng. Duy trì và tổ chức tốt các sự kiện văn hoá trong đời sống nhân dân, gắn kết bảo tồn các di sản với thị trường và công nghệ, may ra chúng ta mới có thể thực sự bảo tồn các di sản văn hoá trong hình thức sống của nó, bởi nó là chất men kích thích và nhân tố tích cực đánh thức các tiềm năng văn hoá trong nhân dân. Mặt khác, gần đây đã có người nhắc nhở rằng, nhiều địa phương đua nhau đổ tiền xây dựng những khu di lịch sinh thái, nhưng quên rằng những vùng này có sự đa dạng về văn hoá, trước hết là văn hoá phi vật thể, mà không mấy được quan tâm khai thác.

### **3- Di sản văn hoá - cội nguồn sáng tạo và phát triển - vài dẫn dụ ở miền Trung.**

#### **3.1- Văn hoá vật thể - sức sống của di sản văn hoá Hội An.**

Nhiều du khách người nước ngoài nói với chúng tôi rằng, họ ở lại Huế một ngày nhưng lưu lại Hội An những ba bốn ngày. Điều gì làm cho Hội An hấp dẫn hơn? Có thể trả lời ngay rằng, Hội An là một di sản sống, sống suốt ngày với nhiều hình thức lao động và buôn bán, qua đó mà phô bày nhiều tài nghệ khác nhau của người dân phố Hội... Có thể nói, di sản và bản sắc văn hoá ở Hội An đã trở thành động lực cho thị trường nói chung và thị trường du lịch nói riêng, nhưng mặt khác, kinh tế thị trường đã tiếp sức sống cho di sản này. Người dân phố Hội sống được là nhờ vào những ngôi nhà cổ kính của họ nên họ không tháo dỡ nhà ra bán như nhà rường ở Huế, sinh kế của họ phát triển được là nhờ vào lao động thủ công mỹ nghệ, nên họ yêu nghề, gắn bó với nghề. Hơn thế, họ cùng với chính quyền xây dựng nếp sống văn minh để thể hiện lòng mến khách của mình.

Có thể nói giá trị nổi bật nhất của Hội An chính là lối sống, nếp sống của người dân phố cổ. Đường như con người ở đây mềm dẻo hơn, hiền hoà, hiếu khách và cởi mở hơn. Ở Hội An không có ăn cắp, không chèo kéo, không mời ép du khách vào hàng quán, không có tình trạng “ép giá” đối với du khách đi dạo phố... Ở Hội An không có hiện tượng người bán hàng không trả hoặc chậm trả tiền lẻ cho du khách (du khách phương Tây thường rất “chặt tính” nên thích sòng phẳng trong khâu thanh toán, dù một đồng lẻ cũng phải trả đầy đủ). Đó là cái tối thiểu của nếp sống, lối sống và vẻ đẹp trong ứng xử của con người phố Hội và của văn hoá thương nghiệp ở Hội An. Điều đáng nói nữa ở Hội An là nỗ lực “dọn” sạch các tệ nạn xã hội. Chúng tôi chỉ xin kiến nghị là đừng “dọn” sạch những người bán hàng rong, chẳng hạn như ông bán kẹo kéo, bà bán chè đậu đen..., vốn là những nét rất hay và rất hấp dẫn đối với du khách.

Bên cạnh vẻ đẹp của lối sống và phong cách người phố Hội, ở Hội An còn vẻ đẹp của văn hoá thương hiệu: “Tên hiệu buôn là một trong những sản phẩm văn hoá phi vật thể gắn liền với đời sống sinh hoạt, tâm lý thương mại của cư dân ở Hội An. Bảng hiệu buôn hiện tồn đến nay là những vật chứng phản ánh chặng đường dài của quá trình giao lưu thương mại của Đàng Trong và cả vùng Đông Nam Á từ các thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX<sup>(4)</sup>. Chúng có một vị trí quan trọng trong tiến trình lịch sử thương mại ở Hội An. Đặt tên cho nhà hàng, cửa hiệu mà có lễ thức như đặt tên cho con người. Đây là một hình thái văn hoá phi vật thể rất độc đáo, không phải chỉ của ngày xưa mà của cả bây giờ. Đây là nền tảng để sau này phát triển những ký hiệu logo và giờ đây “cuộc chiến” thương hiệu như là một mặt của văn hoá doanh nghiệp. Đây cũng chính là biểu hiện của một giá trị văn hoá phi vật thể. Chỉ có ở một cái thương cảng mới có sự dung nạp yếu tố thương mại này. Do đó, đây cũng là một biểu hiện rất riêng của đô thị Hội An.

Không gian văn hoá là cái quan trọng nhất của hoạt động văn hoá phi vật thể. Trong đó, tín ngưỡng tạo ra một không gian tự nguyện, tự giác của cộng đồng. Sự kết nối lễ hội cổ truyền với lễ hội mới là một việc làm cần có sự cân nhắc. Chúng ta không thể “kéo” lễ hội cổ truyền

tới lễ hội đương đại một cách gượng ép: “Lễ hội đêm rằm phố cổ là bằng chứng sinh động trong sự sáng tạo của người Hội An về phục hồi không gian xưa và tái hiện hoạt động của cư dân phố Hội trong những năm đầu thế kỷ XX, khi nơi đây là một cảng thị sầm uất<sup>(5)</sup>. Lịch lễ hội cổ truyền của Hội An có thể cuốn hút du khách suốt cả một năm trời. Đó là cái rất quý - bởi vì, một số thành phố không có tính chất cổ truyền, thiếu vắng di sản văn hoá phi vật thể độc đáo, thì người ta phải tìm cách thu hút du khách bằng các hoạt động sân khấu hoá. Chẳng hạn như miền ở Tây nước Mỹ, trên đường phố một số thị trấn người ta vẫn thấy những đoàn cao bồi cưỡi ngựa đuổi bắn nhau (tất nhiên là bằng súng cao su, súng hơi tượng trưng), làm cho du khách có cái cảm giác đang sống trong không khí của miền Tây, chứng kiến các cao bồi miền Tây. Hội An không cần phải sân khấu hoá hoặc dồn các lễ hội vào một thời điểm, mà tháng nào cũng có lễ hội, lễ hội thực sự hấp dẫn. Đó cũng lại là một nét riêng hết sức độc đáo chỉ có Hội An, là cái linh hồn của di sản phố cổ Hội An.

Có thể nói rằng, những cái hay, cái đẹp của Hội An không chỉ ở di sản văn hoá vật thể mà, tương ứng với nó, là di sản văn hoá phi vật thể đang “sống” và đang phát triển. Hội An có ý thức về sự gắn kết này trong hoạt động bảo tồn và phát huy các giá trị tổng hợp của di sản, từ tổ chức xã hội đến tổ chức lễ hội và sinh hoạt cho bà con. Nhân tố quyết định cho sự gắn kết này thành công chính là con người, người dân phố cổ Hội An. Di sản văn hoá Huế dường như còn thiếu sự hấp dẫn nhờ sự gắn kết hài hoà như ở Hội An. Huế có di sản văn hoá vật thể cung đình nhưng văn hoá phi vật thể cung đình tương ứng với nó thì không còn nữa, văn hoá phi vật thể cung đình đã tiêu vong theo sự sụp đổ của triều Nguyễn. Âm nhạc cung đình, lễ rước, lối sống, nếp sống, phong tục... của cung đình chỉ có thể phục dựng, sân khấu hoá. Đó là điều thiết thời của Huế. Nhưng, bù vào đó, Huế có hệ nhà vườn và tâm thức nhà vườn của người Huế, mà sau đây chúng tôi sẽ trình bày.

3.2- Nhà vườn và tâm thức nhà vườn xứ Huế - một giá trị văn hoá tương lai.

Trong bối cảnh văn hoá miền Trung, văn hoá Huế là sự thể hiện một sự hun đúc, kết tinh và thăng hoa của quá trình tiếp biến văn hoá

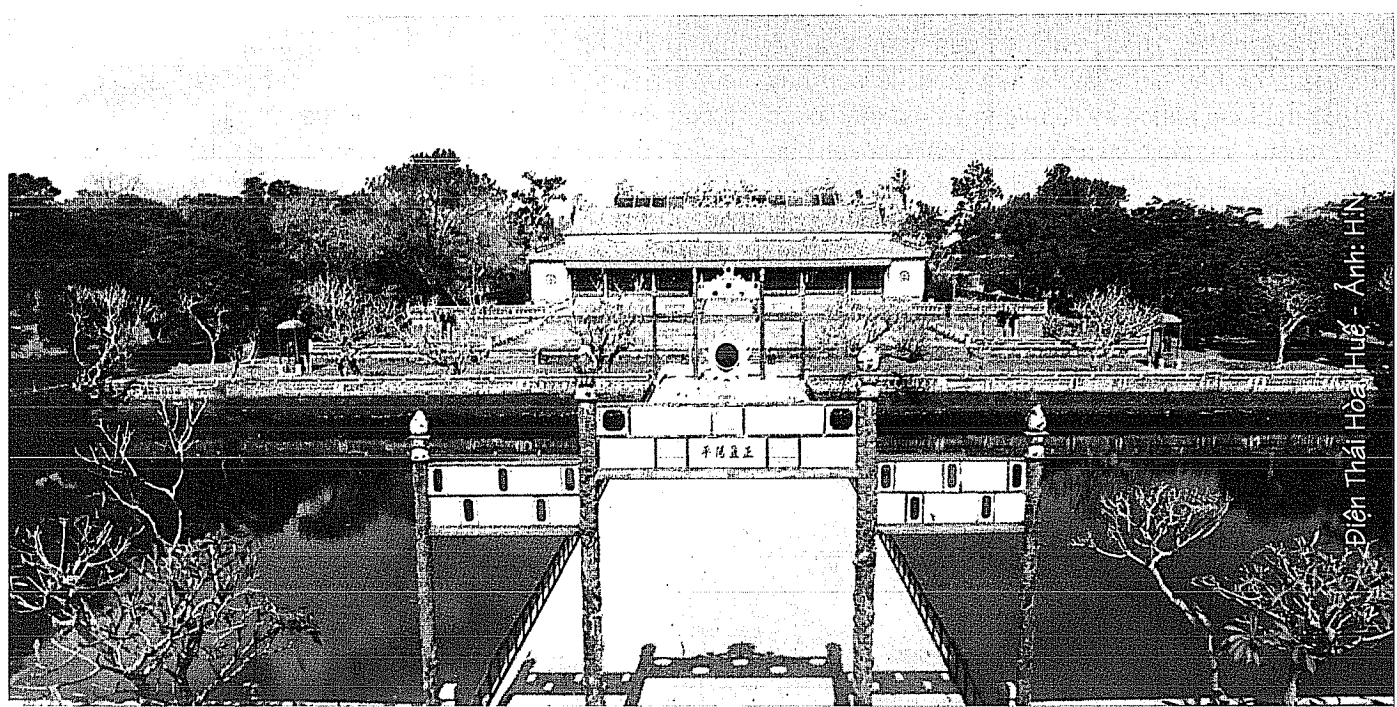
Việt Nam. Có thể còn ý kiến tranh luận về khái niệm văn hoá Huế, nhưng khi nói tới văn hoá Huế ta có thể nhận dạng về đẹp riêng khó quên của nó ở di sản văn hoá vật thể: Bên cạnh 16 đơn vị trong quần thể di tích lịch sử văn hoá mà UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới, còn có các kiến trúc nhà vườn, và không ít những công trình kiến trúc cổ khác, thấp thoáng trong các đồi cây xanh. Bên cạnh đó, ta còn thấy một "thái độ ứng xử" của kiến trúc Huế đối với thiên nhiên, đối với tự nhiên. Với một vùng đất nắng nẻ mưa nguồn như Huế, thì thái độ tôn trọng tự nhiên, biết hoà vào cây xanh, vườn tược có được là nhờ sự tích hợp của quá trình lựa chọn khá lâu đời. Đó là một thái độ ứng xử tưởng như cổ xưa, nhưng rất hiện đại, khi con người đứng trước thách thức của thảm hoạ môi trường. Điều này có giá trị to lớn, không kém so với giá trị thẩm mỹ, nghệ thuật và kiến trúc của quần thể di tích lịch sử văn hoá Huế. Các công trình kiến trúc dấu cung đình, hay bình dân Huế, dù ở đại thể hay tiểu tiết, đều có sự quan tâm đến hình sông, thể núi, rặng cây, hướng gió, chiều nắng mà ta vẫn gọi là phong thủy. Điều này thể hiện rõ nét nhất trong văn hoá nhà vườn xứ Huế, yếu tố cơ bản cấu thành thành phố vườn, thành phố xanh và thành phố thơ.

Hệ nhà vườn xứ Huế là hệ giá trị văn hoá - sinh thái, là cái không gian nhân tính để hình thành, dung dưỡng và khẳng định tâm hồn, tính cách, lối sống và phong cách con người xứ Huế. Trong cái không gian văn hoá đó, những

con người xứ Huế sống phần nhiều hướng nội, pha chút lãng mạn, trầm tư, hơi buồn, tạo một nét tĩnh trong phong cách sống, tôn trọng và ẩn mình trong thiên nhiên... Người ta có cảm giác như người Huế, do vị trí trung độ trong diễn trình văn hoá từ Bắc vào Nam, có những nét tính cách trung hoà giữa người Bắc người Nam - nét bình dân, mộc mạc có pha chút quý phái, kiêu cách. Điều này hiện hữu trong văn hoá cung đình lẫn trong văn hoá dân gian: Ca Huế, lý Huế, nhã nhạc, múa cung đình và múa dân gian, lễ thức cung đình và lễ hội dân gian, sắc phục và văn hoá ẩm thực.

Khi nói tới tâm thức người sống nhà vườn không thể không nói tới các nghi thức văn hoá của chủ nhân đối với đất, vì "đất có thổ công" (tục cúng đất vào tháng ba và tháng tám hàng năm). Cây để tang cho chủ vườn khi chủ vườn qua đời. Người ta còn lập tranh thờ cho cây để cúng cây cúng vườn. Dường như trong những lễ thức này, quan niệm thế giới vạn vật hữu linh vẫn hiển hiện rất rõ trong tâm linh người Huế.

Có thể nói xứ Huế chứa đựng trong nó một di sản văn hoá phong phú và độc đáo, được nhiều thế hệ nhân dân Huế gìn giữ, bảo tồn. Khi tôn vinh các công trình quần thể di tích Cố đô Huế là di sản văn hoá thế giới, chắc chắn UNESCO đã không tách rời chúng ra khỏi cái không gian xanh tươi, mượt mà, thơ mộng của một thành phố được tạo nên bởi những hệ nhà vườn đa dạng, phong phú và độc đáo. Điều quan trọng hơn, UNESCO đã xuất phát từ điểm nhìn của ngày hôm nay với những vấn đề bức



Điện Thái Hoà, Huế - Ảnh: H.N

xúc về sinh thái và hướng tới tương lai của những hình mẫu kiến trúc thể hiện một nền văn hoá sinh thái hoàn mỹ để tôn vinh nó.

Dường như có cái nghịch lý đang xảy ra, khi cây trên rừng đại ngàn và trong các khu vườn cổ kính biến mất dần thì cây xanh chạy về thành phố. Phải chăng đó chính là sự phản ứng tự nhiên từ vô thức cộng đồng - sự thức tỉnh của ký ức về một thiên nhiên xanh mát đã bao đời gắn bó, chở che và bao bọc lấy con người. Nhiều nơi trên thế giới, ngày nay người ta đã hoàn thành thời kỳ hiện đại hoá và công nghiệp hoá, sau niềm kiêu hãnh của họ về những toà tháp chọc trời thì thổ nền kỹ thuật và công nghệ cao như ở New York hoặc Singapo, chính là sự giật mình của nhiều người khi nhận ra những thảm xanh đô thị đã biến mất. Người ta đi trên những đại lộ như những chiến hào vách bê tông cao hàng chục thước, không những thiếu cây xanh, mà còn thiếu cả bầu trời và ánh nắng. Thế rồi người ta tìm kiếm những không gian hiếm hoi để xây dựng công viên cây xanh là thảm cỏ, người ta trồng cây xanh và bồn hoa ngay ở những nút giao thông, cả ở những vạch phân luồng đường cao tốc, người ta cho cây leo bám vào vách tường nhà, đưa cây lên ban công, lên gác thượng, đưa cây vào nhà. Tình hình tương tự cũng đang diễn ra ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Nhà vườn xứ Huế không chỉ là một giá trị văn hoá vật thể vì nó tồn tại trong không gian, mà nó còn là một giá trị văn hoá phi vật thể rất đáng được trân trọng và gìn giữ. Văn hoá nhà vườn xứ Huế nói riêng và văn hoá nhà vườn nói chung, không phải chỉ là di sản của quá khứ, mà còn là giá trị của tương lai. Bảo tồn di sản

văn hoá nhà vườn xứ Huế là một vấn đề bức xúc hiện nay.

Di sản văn hoá, bao hàm di sản thiên nhiên, là tiềm năng có thể trở thành nhân tố kinh tế nhưng không phải kho của vô tận, muốn khai thác nó phải am hiểu sâu sắc, trước hết phải ứng xử với nó một cách thận trọng, không vì những lợi ích trước mắt mà phải vì sự phát triển vững bền. Nhiều nước liên minh Châu Âu có chung một câu khẩu hiệu: Văn hoá là tiêu tổn, nhưng không có văn hoá còn tiêu tổn hơn. Ở nước ta, có thể nói thêm, đầu tư cho bảo tồn di sản văn hoá tốn kém không nhiều, nhưng sẽ thu lãi lâu dài. Bởi vậy, khi nói tới một chính sách văn hoá vì sự phát triển có nghĩa ta nói tới một chính sách văn hoá có tư cách là một chính sách xã hội và một chính sách kinh tế, và ngược lại, khi hoạch định một chính sách kinh tế thì cũng cần phải nghĩ tới một chính sách văn hoá xã hội mà trong đó con người luôn luôn là nhân tố trung tâm.

Hà Nội, ngày 5-12-2004

N.T.N

#### **Chú thích:**

- 1) Assmam, Jan: "Ký ức cộng đồng và bản sắc văn hoá", *Văn hoá và ký ức*, Frankfurt, 1988, tr 25.
- 2) Iu. M. Lotman. Xanh - Pétécua. (1994). tr.8, trong *Những bài giảng về văn hoá học của Radugin*, H.2004.
- 3) *Dự thảo tuyên ngôn về Đa dạng văn hoá*, lưu trữ của Viện Văn hoá-Thông tin.
- 4) Lê Thị Tuấn: *Tên các hiệu buôn xưa tại Hội An nhìn từ góc độ văn hoá phi vật thể* (Kỷ yếu Hội thảo).
- 5) Tấn Vịnh: *Giữ hồn phố cổ* (Kỷ yếu Hội thảo).

#### **SUMMARY: CULTURAL HERITAGE – THE ORIGINAL SOURCE OF CREATION AND DEVELOPMENT (AUTHOR: NGUYEN TRI NGUYEN).**

The cultural heritage becomes the real root of creation and development only when it has got effective preservation measures. That is the preservation of cultural heritages in "dynamic" status and "living" status. This measure requires the close connection of two cultural forms: Tangible and intangible culture. The active living and attraction of world cultural heritages in Hoi An and Hue have proved that.